|  |  |
| --- | --- |
| SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠOTHÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**TRƯỜNG THPT NGUYỄN TẤT THÀNH****ĐỀ CHÍNH THỨC**(Đề có 04 trang) | **KIỂM TRA GIỮA KỲ 2****NĂM HỌC 2023-2024****Bài kiểm tra môn: Địa lí - Khối 12****Ban Khoa học tự nhiên****Thời gian làm bài: 45 phút****MÃ ĐỀ: 142** |
| Họ, tên học sinh:………………………………………………………………. |
| Lớp: …………………………. Số báo danh………………………………….. |

**Câu 1.** Tỉnh An Giang đứng đầu cả nước về nghề nuôi

 **A.** cá vược, cá ba sa. **B.** tôm hùm, cá tra.

 **C.** cá tra, ba ba. **D.** cá tra, cá ba sa.

**Câu 2.** Cây công nghiệp ở nước ta có nguồn gốc chủ yếu là

 **A.** ôn đới. **B.** nhiệt đới. **C.** cận nhiệt. **D.** xích đạo.

**Câu 3.** Các nhà máy nhiệt điện nào sau đây chạy bằng khí đốt?

 **A.** Thủ Đức và Uông Bí. **B.** Phú Mĩ và Cà Mau.

 **C.** Hiệp Phước và Na Dương. **D.** Hiệp Phước và Thủ Đức.

**Câu 4.** Yếu tố tự nhiên nào quan trọng nhất dẫn đến sự khác nhau về phân bố cây cao su và cây chè ở nước ta?

 **A.** Địa hình. **B.** Đất đai. **C.** Khí hậu. **D.** Nguồn nước.

**Câu 5.** Sau khi thống nhất đất nước, nước ta tiến hành xây dựng nền kinh tế từ xuất phát điểm là nền sản xuất

 **A.** nông - công nghiệp. **B.** nông nghiệp lạc hậu.

 **C.** công nghiệp. **D.** công - nông nghiệp.

**Câu 6.** Nguyên nhân chủ yếu nào sau đây làm cho chăn nuôi chiếm tỉ trọng nhỏ trong cơ cấu giá trị sản xuất ngành nông nghiệp của các nước đang phát triển?

 **A.** cơ sở vật chất kĩ thuật lạc hậu. **B.** cơ sở thức ăn chưa đảm bảo.

 **C.** trình độ lao động chưa cao. **D.** con giống cho năng suất thấp.

**Câu 7.** Loại cây công nghiệp được trồng chủ yếu trên đất ba dan và đất xám bạc màu trên phù sa cổ của nước ta là

 **A.** cao su. **B.** cà phê. **C.** hồ tiêu. **D.** chè.

**Câu 8.** Đâu là biện pháp quan trọng để có thể vừa tăng sản lượng thuỷ sản vừa bảo vệ nguồn lợi thuỷ sản?

 **A.** Đẩy mạnh phát triển các cơ sở công nghiệp chế biến.

 **B.** Tăng cường đánh bắt, phát triển nuôi trồng và chế biến.

 **C.** Hiện đại hoá các phương tiện đánh bắt xa bờ.

 **D.** Tăng cường và hiện đại hoá các phương tiện đánh bắt.

**Câu 9.** Hạn chế trong chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế của nước ta thời gian qua là

 **A.** tốc độ chuyển dịch còn chậm.

 **B.** tỉ trọng công nghiệp - xây dựng thấp.

 **C.** tỉ trọng nông - lâm - ngư nghiệp giảm liên tục.

 **D.** tỉ trọng dịch vụ giảm và chưa ổn định.

**Câu 10.** Biện pháp hàng đầu nhằm nâng cao chất lượng nông sản sau thu hoạch ở nước ta là

 **A.** phát triển công nghiệp chế biến. **B.** sử dụng các chất bảo quản.

 **C.** nâng cao năng suất. **D.** cơ giới hóa khâu sản xuất.

**Câu 11.** Vụ lúa có năng suất cao nhất trong năm ở nước ta là

 **A.** đông xuân. **B.** hè thu. **C.** mùa. **D.** chiêm.

**Câu 12.** Ngư trường nào sau đây **không** phải là ngư trường trọng điểm ở nước ta?

 **A.** Ngư trường Hải Phòng - Quảng Ninh.

 **B.** Ngư trường Thanh Hóa - Nghệ An - Hà Tĩnh.

 **C.** Ngư trường Cà Mau - Kiên Giang.

 **D.** Ngư trường quần đảo Hoàng Sa, quần đảo Trường Sa.

**Câu 13.** Vùng biển nước ta có nguồn lợi hải sản khá phong phú với tổng trữ lượng khoảng

 **A.** 5,0 - 5,5 triệu tấn. **B.** 3,4 - 3,7 triệu tấn.

 **C.** 3,9 - 4,0 triệu tấn. **D.** 4,5 - 4,9 triệu tấn.

**Câu 14.** Ngành công nghiệp nào dưới đây là ngành công nghiệp trọng điểm?

 **A.** Đóng tàu. **B.** Luyện kim. **C.** Năng lượng. **D.** Sản xuất ô tô.

**Câu 15.** Ngành công nghiệp khai thác nhiên liệu của nước ta tập trung chủ yếu ở

 **A.** Đồng bằng sông Hồng và Đồng bằng sông Cửu Long.

 **B.** Đồng bằng sông Hồng và Đông Nam Bộ.

 **C.** Đông Nam Bộ và Trung du miền núi Bắc Bộ.

 **D.** Trung du miền núi Bắc Bộ.

**Câu 16.** Phần lớn diện tích trồng chè ở Tây Nguyên tập trung tại tỉnh

 **A.** Đắk Lắk. **B.** Kon Tum. **C.** Lâm Đồng. **D.** Gia Lai.

**Câu 17.** Ngành công nghiệp nào sau đây của nước ta cần phát triển đi trước một bước?

 **A.** Cơ khí. **B.** Điện tử. **C.** Năng lượng. **D.** Hóa chất.

**Câu 18.** Trung tâm công nghiệp có quy mô lớn nhất của Duyên hải miền Trung là

 **A.** Vinh. **B.** Thanh Hoá. **C.** Đà Nẵng. **D.** Nha Trang.

**Câu 19.** Cơ cấu giá trị sản xuất nông - lâm - ngư nghiệp của nước ta đang chuyển dịch theo hướng

 **A.** giảm tỉ trọng nông nghiệp, tăng tỉ trọng thuỷ sản.

 **B.** tăng tỉ trọng nông nghiệp, tăng tỉ trọng thuỷ sản.

 **C.** tăng tỉ trọng nông nghiệp, giảm tỉ trọng thuỷ sản.

 **D.** giảm tỉ trọng nông nghiệp, giảm tỉ trọng thuỷ sản.

**Câu 20.** Nuôi trồng thủy sản nước lợ của nước ta phát triển thuận lợi ở những nơi nào sau đây?

 **A.** Hồ thủy lợi, ruộng lúa ở các đồng bằng.

 **B.** Sông ngòi, hồ, vũng trũng ở đồng bằng.

 **C.** Bãi triều, đầm, phá, dải rừng ngập mặn.

 **D.** Vũng, vịnh và vùng biển ven các đảo.

**Câu 21.** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Nông nghiệp, cho biết tỉnh nào sau đây **không** có sản lượng thịt hơi xuất chuồng tính theo đầu người trên 50kg/người?

 **A.** Bạc Liêu. **B.** Lào Cai. **C.** Bình Định. **D.** Đồng Nai.

**Câu 22.** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Lâm nghiệp và thủy sản, cho biết tỉnh nào sau đây có giá trị sản xuất thủy sản dưới 5% trong tổng giá trị sản xuất nông - lâm - thủy sản?

 **A.** Quảng Ninh. **B.** Bình Định. **C.** Bình Thuận. **D.** Bắc Giang.

**Câu 23.** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Các ngành công nghiệp trọng điểm, cho biết trung tâm nào có quy mô lớn nhất trong các trung tâm công nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm sau đây?

 **A.** Bảo Lộc. **B.** Nha Trang. **C.** Quảng Ngãi. **D.** Tây Ninh.

**Câu 24.** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Nông nghiệp chung, cho biết các loại cây công nghiệp lâu năm nào sau đây trồng nhiều ở Đông Nam Bộ?

 **A.** Cao su, cà phê, điều, hồ tiêu. **B.** Đậu tương, mía, lạc, chè.

 **C.** Cà phê, cao su, mía, bông. **D.** Chè, cao su, điều, bông.

**Câu 25.** Yếu tố nào sau đây tác động chủ yếu đến việc nâng cao chất lượng sản phẩm công nghiệp nước ta?

 **A.** Gắn với nhu cầu thị trường tiêu thụ trong và ngoài nước.

 **B.** Đào tạo và nâng cao trình độ tay nghề cho người lao động.

 **C.** Đầu tư theo chiều sâu, đổi mới trang thiết bị và công nghệ.

 **D.** Tập trung vào phát triển nhiều ngành sản xuất khác nhau.

**Câu 26.** Cho bảng số liệu:

DIỆN TÍCH MỘT SỐ CÂY CÔNG NGHIỆP LÂU NĂM CỦA NƯỚC TA GIAI ĐOẠN 2018 - 2021

*(Đơn vị: Nghìn ha)*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **2018** | **2019** | **2020** | **2021** |
| Điều | 299,5 | 295,0 | 302,4 | 314,4 |
| Cao su | 961,8 | 941,3 | 932,4 | 930,5 |

*(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2021, NXB Thống kê, 2022)*

Theo bảng số liệu, để thể hiện tốc độ tăng trưởng diện tích một số cây công nghiệp lâu năm của nước ta giai đoạn 2018 - 2021, dạng biểu đồ nào sau đây là thích hợp nhất?

 **A.** Cột. **B.** Tròn. **C.** Đường. **D.** Kết hợp.

**Câu 27.** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Nông nghiệp, cho biết tỉnh nào có diện tích trồng lúa so với diện tích trồng cây lương thực dưới 60% ?

 **A.** Ninh Thuận. **B.** Tây Ninh. **C.** Bình Thuận. **D.** Bình Phước.

**Câu 28.** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Công nghiệp chung, cho biết điểm công nghiệp nào sau đây có ngành luyện kim màu?

 **A.** Quỳnh Lưu. **B.** Hà Giang. **C.** Tĩnh Túc. **D.** Quỳ Châu.

**Câu 29.** Việc phát triển công nghiệp nhiệt điện ở nước ta có ý nghĩa lớn nhất là

 **A.** giải quyết tốt hơn nhu cầu năng lượng và vấn đề việc làm.

 **B.** tăng nhanh GDP và sử dụng hợp lí tài nguyên thiên nhiên.

 **C.** sử dụng hợp lí tài nguyên, tạo tiền đề cho công nghiệp hóa.

 **D.** giải quyết nhiều việc làm, nâng cao chất lượng cuộc sống.

**Câu 30.** Cho bảng số liệu:

SỐ LƯỢNG TRÂU VÀ SẢN LƯỢNG THỊT TRÂU NƯỚC TA, GIAI ĐOẠN 2015 - 2021

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **2015** | **2017** | **2019** | **2020** | **2021** |
| Số lượng trâu *(nghìn con)* | 2626,1 | 2605,1 | 2388,8 | 2332,8 | 2264,7 |
| Sản lượng thịt trâu *(nghìn tấn)* | 101,8 | 103,3 | 125,3 | 120,3 | 123 |

*(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2022, https://www.gso.gov.vn)*

Theo bảng số liệu, để thể hiện số lượng trâu và sản lượng thịt trâu của nước ta giai đoạn 2015 - 2021, dạng biểu đồ nào sau đây là thích hợp nhất?

 **A.** Kết hợp. **B.** Miền. **C.** Đường. **D.** Tròn.

**Câu 31.** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Nông nghiệp, cho biết tỉnh nào sau đây có diện tích trồngcâycông nghiệp hàng năm lớn hơn cây công nghiệp lâu năm?

 **A.** Đắk Lắk. **B.** Lâm Đồng. **C.** Phú Yên. **D.** Gia Lai.

**Câu 32.** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Lâm nghiệp và thủy sản, tỉnh nào sau đây có sản lượng thủy sản khai thác lớn nhất vùng Duyên hải Nam Trung Bộ?

 **A.** Quảng Ngãi. **B.** Khánh Hòa. **C.** Bình Định. **D.** Bình Thuận.

**Câu 33.** Cho bảng số liệu:

SẢN LƯỢNG LÚA CỦA MỘT SỐ VÙNG NƯỚC TA, NĂM 2017, 2020 VÀ 2021

*(Đơn vị: Nghìn tấn)*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **2017** | **2020** | **2021** |
| Trung du và miền núi Bắc Bộ | 3336,4 | 3391,2 | 3426,5 |
| Đồng bằng sông Cửu Long | 23609 | 23827,6 | 24327,3 |

*(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2022, https://www.gso.gov.vn)*

Theo bảng số liệu, nhận xét nào sau đây đúng về sự thay đổi sản lượng lúa của một số vùng nước ta, năm 2021 so với năm 2017?

 **A.** Đồng bằng sông Cửu Long tăng chậm hơn Trung du và miền núi Bắc Bộ.

 **B.** Đồng bằng sông Cửu Long tăng nhanh hơn Trung du và miền núi Bắc Bộ.

 **C.** Trung du và miền núi Bắc Bộ tăng nhiều hơn Đồng bằng sông Cửu Long.

 **D.** Trung du và miền núi Bắc Bộ tăng gấp gần 8 lần Đồng bằng sông Cửu Long.

**Câu 34.** Cho bảng số liệu:

DIỆN TÍCH LÚA Ở CÁC VÙNG CỦA NƯỚC TA, NĂM 2021

*(Đơn vị: Nghìn ha)*

|  |  |
| --- | --- |
| **Vùng** | **Diện tích** |
| Đồng bằng sông Hồng | 970,3 |
| Trung du và miền núi Bắc Bộ | 662,2 |
| Bắc Trung Bộ và Duyên hải Nam Trung Bộ | 1198,7 |
| Tây Nguyên | 250,2 |
| Đông Nam Bộ | 258,9 |
| Đồng bằng sông Cửu Long | 3898,6 |

*(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2021, NXB Thống kê, 2022)*

Theo bảng số liệu, nhận xét nào sau đây đúng về diện tích lúa của nước ta, năm 2021?

 **A.** Đồng bằng sông Hồng nhỏ hơn Đông Nam Bộ.

 **B.** Tây Nguyên nhỏ hơn Trung du và miền núi Bắc Bộ.

 **C.** Bắc Trung Bộ và Duyên hải Nam Trung Bộ nhỏ hơn Tây Nguyên.

 **D.** Đông Nam Bộ lớn hơn Đồng bằng sông Cửu Long.

**Câu 35.** Việc phát triển cây công nghiệp lâu năm ở Tây Nguyên chủ yếu dựa vào các điều kiện thuận lợi nào sau đây?

 **A.** Khí hậu mát mẻ trên các cao nguyên cao trên 1000m, đất tốt.

 **B.** Khí hậu có tính chất cận xích đạo, đất badan giàu dinh dưỡng.

 **C.** Đất badan ở trên những mặt bằng rộng, nguồn nước dồi dào.

 **D.** Đất badan có diện tích rộng, giống cây trồng có chất lượng tốt.

**Câu 36.** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Công nghiệp chung, cho biết tỉnh nào sau đây có giá trị sản xuất công nghiệp chiếm dưới 0,1 % giá trị sản xuất công nghiệp cả nước?

 **A.** Bình Thuận **B.** Quảng Nam. **C.** Quảng Ngãi. **D.** Ninh Thuận.

**Câu 37.** Giải pháp nào sau đây là chủ yếu để giảm thiểu rủi ro trong tiêu thụ sản phẩm nông sản nước ta?

 **A.** Đẩy mạnh chế biến, sử dụng giống mới.

 **B.** Đa dạng hóa sản phẩm, đẩy mạnh chế biến.

 **C.** Đẩy mạnh chế biến, sản xuất chuyên canh.

 **D.** Đa dạng hóa sản phẩm, sử dụng giống mới.

**Câu 38.** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Kinh tế chung, cho biết cửa khẩu quốc tế nào sau đây thuộc vùng Tây Nguyên?

 **A.** Cầu Treo. **B.** Lao Bảo. **C.** Xa Mát. **D.** Bờ Y.

**Câu 39.** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Các ngành công nghiệp trọng điểm, cho biết nhà máy nhiệt điện nào sau đây có công suất lớn nhất miền Bắc?

 **A.** Ninh Bình. **B.** Phả Lại. **C.** Uông Bí. **D.** Na Dương.

**Câu 40.** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Công nghiệp chung, cho biết các trung tâm công nghiệp nào sau đây có quy mô từ 9 - 40 nghìn tỉ đồng của Đồng bằng Sông Cửu Long?

 **A.** Cần Thơ, Long Xuyên. **B.** Cần Thơ, Cà Mau.

 **C.** Sóc Trăng, Mỹ Tho. **D.** Cà Mau, Long Xuyên.

-------------------Hết------------------

*Học sinh được sử dụng Atlat Địa lí Việt Nam – NXB Giáo dục; giám thị không giải thích gì thêm.*